

Số: **3505** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **03** tháng **10** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức chi tiền thưởng thực hiện theo
Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 652/TTr-SNV ngày 20/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Bảng quy đổi mức chi tiền thưởng thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K2, K17.



Hồ Quốc Dũng



**MỨC TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2010/NĐ-CP
NGÀY 15/4/2010 CỦA CHÍNH PHỦ**
(Điều 71, 72, 73, 75 và 76)
(Kèm theo Quyết định số **3505** /QĐ-UBND ngày **03** /**10** /2016
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	HỆ SỐ TIỀN THƯỞNG	MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU (ĐỒNG)	TIỀN THƯỞNG (ĐỒNG)	THỰC CHI (ĐỒNG)
I	DANH HIỆU THI ĐUA				
A	Đối với cá nhân				
1	Chiến sỹ thi đua toàn quốc	4,5	1.210.000	5.445.000	5.450.000
2	Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh	3	1.210.000	3.630.000	3.630.000
3	Chiến sỹ thi đua cơ sở	1	1.210.000	1.210.000	1.210.000
4	Lao động tiên tiến	0,3	1.210.000	363.000	360.000
B	Đối với tập thể			-	
1	Tập thể lao động xuất sắc	1,5	1.210.000	1.815.000	1.820.000
2	Tập thể lao động tiên tiến	0,8	1.210.000	968.000	970.000
3	Gia đình văn hóa	0,1	1.210.000	121.000	121.000
4	Thôn văn hóa	1,5	1.210.000	1.815.000	1.820.000
5	Cờ thi đua của Chính phủ	24,5	1.210.000	29.645.000	29.650.000
6	Cờ thi đua của UBND tỉnh	15,5	1.210.000	18.755.000	18.760.000
II	HUÂN CHƯƠNG CÁC LOẠI			-	
1	Huân chương Sao vàng	46	1.210.000	55.660.000	55.660.000
2	Huân chương Hồ Chí Minh	30,5	1.210.000	36.905.000	39.910.000
3	Huân chương Độc lập hạng nhất, HC Quân công hạng nhất	15	1.210.000	18.150.000	18.150.000
4	Huân chương Độc lập hạng nhì, HC Quân công hạng nhì	12,5	1.210.000	15.125.000	15.130.000
5	Huân chương Độc lập hạng ba, HC Quân công hạng ba	10,5	1.210.000	12.075.000	12.710.000
6	Huân chương Lao động hạng nhất, HC Chiến công hạng nhất, HC Bảo vệ TQ hạng nhất	9	1.210.000	10.890.000	10.890.000
7	Huân chương Lao động hạng nhì, HC Chiến công hạng nhì, HC Bảo vệ TQ hạng nhì	7,5	1.210.000	9.075.000	9.080.000

8	Huân chương Lao động hạng ba, HC Chiến công hạng ba, HC Bảo vệ TQ hạng ba	4,5	1.210.000	5.445.000	5.450.000
* Tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại mức tiền thưởng gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.					
III DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC					
1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	15,5	1.210.000	18.755.000	18.760.000
2	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động (cho cá nhân)	15,5	1.210.000	18.755.000	18.760.000
3	Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ sỹ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú				-
	- Đối với danh hiệu ưu tú	9	1.210.000	10.890.000	10.890.000
	- Đối với danh hiệu nhân dân	12,5	1.210.000	15.125.000	15.130.000
* Tập thể được tặng thưởng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động mức tiền thưởng gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.					
IV GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC					
	Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định				
V BẰNG KHEN, GIẤY KHEN					
* Đối với cá nhân					
1	Bằng khen Chính phủ	1,5	1.210.000	1.815.000	1.820.000
2	Bằng khen tỉnh	1	1.210.000	1.210.000	1.210.000
3	Giấy khen (theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, Khen thưởng)	0,3	1.210.000	363.000	360.000
4	Giấy khen của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn	0,15	1.210.000	181.500	180.000
* Tập thể được tặng thưởng Bằng khen Chính phủ, Bằng khen tỉnh và Giấy khen mức tiền thưởng gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.					
VI HUY CHƯƠNG, KỶ NIỆM CHƯƠNG					
1	Huy chương các loại	1,5	1.210.000	1.815.000	1.820.000
2	Kỷ niệm chương của Bộ, Ban, ngành	0,6	1.210.000	726.000	730.000

Ghi chú: - Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

- Riêng mức chi khen thưởng cho Kỷ niệm chương của Bộ, ban, ngành Trung ương được áp dụng thực hiện theo quy định: “Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý”.

Ua